

Bài 1: Nối từ và hình thích hợp

sad

big

funny

young

small

happy

old



Bài 2: Đọc và chọn từ đúng



1 He's a **old** clown.
funny

2 It's a **sad** car.
clean



3 She's a **beautiful** woman.
old

4 She's a **happy** girl.
sad



5 This is a **dirty** car.
big

6 This is a **beautiful** elephant.
big